

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐS
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày: 12 - 01 - 2023

V/v tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐS TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hằng

Bà Lê Hoàn Sinh

- Thư ký phiên toà: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Lê Quý Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 03/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 03 năm 2022 về việc tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2022/QĐST-DS ngày 28/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thiệu Thị L - Sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn KS, xã ĐT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Bị đơn: - Bà Nguyễn Thị NG - Sinh năm 1968. Vắng mặt.

- Anh Thiệu Văn H – Sinh năm 1992. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn KS, xã ĐT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Thiệu Văn TR – Sinh năm 1969 (*Đã chết*)

Địa chỉ: Thôn KS, xã ĐT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thiệu Văn TR:

1. Bà Nguyễn Thị NG - Sinh năm 1968. Vắng mặt.

2. Anh Thiệu Văn CH – Sinh năm 1990. Vắng mặt.

3. Anh Thiệu Văn **H** – Sinh năm 1992. Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn **KS**, xã **ĐT**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người làm chứng*: Bà Thiệu Thị **H** – Sinh năm 1965
Địa chỉ: Số nhà **X**, khu phố **TN**, thị trấn **RT**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Căn cứ vào: Bản án số 04/2020/DSST ngày 28/09/2020 của Tòa án nhân dân huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa; Bản án số 03/2021/DSPT ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thì ngày 11/06/2021, Sở Tài nguyên và môi trường **TR** tỉnh Thanh Hóa đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà mang tên Thiệu Thị **L** số DB 652729 tại thửa đất số 1758 tờ bản đồ số 16, diện tích 201,9m², loại đất ở tại nông thôn, trong sơ đồ thửa đất có thể hiện vị trí và diện tích ngõ chung là 36m² (là ngõ chung của gia đình bà và hộ gia đình ông Thiệu Văn **TR**, bà Nguyễn Thị **NG**), địa chỉ: Thôn **KS**, xã **ĐT**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa. Phía đầu ngõ đi chung có một cổng sắt, bà Nguyễn Thị **NG** và anh Thiệu Văn **H** khóa cửa cổng, anh **H** chửi bới, dọa nạt không cho bà sử dụng ngõ đi chung để vào sử dụng thửa đất trên. Bà đã nhờ chính quyền địa phương giải quyết, hòa giải giữa hai bên nhưng không có kết quả. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị **NG** và anh Thiệu Văn **H** chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ bà Nguyễn Thị **NG**, anh Thiệu Văn **H**, ông Thiệu Văn **TR**, anh Thiệu Văn **CH** để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của bà **L** nhưng anh bà **NG**, anh **H**, ông **TR**, anh **CH** không có mặt nên không có lời khai của bà **NG**, anh **H**, ông **TR**, anh **CH** và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Tại bản tự khai ngày 20/04/2022, người làm chứng bà Thiệu Thị **H** (là em ruột của ông Thiệu Văn **TR** và bà Thiệu Thị **L**) trình bày: Thời gian trước khi bà **L** và gia đình ông **TR**, bà **NG** xảy ra tranh chấp đất đai thì bà **L** vẫn được sử dụng ngõ đi chung để vào sử dụng nhà và đất của bà **L**, kể từ khi Tòa án giải quyết xong việc tranh chấp đất đai giữa hai bên thì bà **NG**, anh **H** khóa cửa cổng không cho bà **L** vào ngõ đi chung và thửa đất của bà **L**, anh **H** còn chửi bới đe dọa bà **L**, sự việc này bà được tận mắt chứng kiến và cũng là người có mặt trong bức ảnh bà **L** đã nộp cho Tòa án, bà và những người trong gia đình có khuyên bảo hòa giải giữa hai bên để bà **L** được vào sử dụng nhà và đất của bà **L** nhưng bà **NG** và anh **H** không nghe.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ **L** vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ **L** vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp **L** và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Về cơ bản việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng Điều 95, 96, 97, 98 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 173, 179, 205 và 211 của BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà **NG**, anh **H**, ông **TR**, anh **CH** đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm điều 70 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, 228, Điều 273 của BLTTDS; khoản 10 Điều 12, khoản 7 Điều 166 Luật đất đai (sau đây viết tắt là LDDĐ); Điều 169 Bộ luật dân sự (Sau đây viết tắt là BLDS); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất” của bà Thiều Thị **L** đối với bà Nguyễn Thị **NG** và anh Thiều Văn **H**. Buộc bà Nguyễn Thị **NG** và anh Thiều Văn **H** phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của bà Thiều Thị **L** tại ngõ đi chung diện tích 36m² và thửa đất số 16, diện tích 201,9m² tại thôn **KS**, xã **ĐT**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bà Nguyễn Thị **NG** và anh Thiều Văn **H** phải nộp để trả lại cho bà Thiều Thị **L**.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị **NG** và anh Thiệu Văn **H** phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện **ĐS** tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở đối với quyền sử dụng đất. HĐXX thấy rằng đây là tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản mà cụ thể là “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất” được quy định tại Điều 169 Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện **ĐS** theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quyền khởi kiện của người khởi kiện: Bà Thiệu Thi **L** đã được Sở Tài nguyên và môi trường **TR** tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà mang tên Thiệu Thi **L** số DB 652729 vào ngày 11/06/2021 bà **L** có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết những vụ việc liên quan đến quá trình sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng bà **NG**, anh **H**, ông **TR**, anh **CH** không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà **NG**, anh **H**, ông **TR**, anh **CH** theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Bà **NG**, anh **H**, ông **TR**, anh **CH** đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập họp lệ bà **NG**, anh **H**, anh **CH** lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng bà **NG**, anh **H**, anh **CH** vẫn không có mặt mà không có **L** do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt bà **NG**, anh **H**, anh **CH**.

Về nội dung:

[1]. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận thấy Bà Thiệu Thi **L** đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà

mang tên Thiều Thị **L** số DB 652729 vào ngày 11/06/2021 nên bà **L** được quyền sử dụng đất ở và đất nông nghiệp đi chung theo quy định của pháp luật.

Theo lời trình bày của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án, lời trình bày của người làm chứng thì xác định bà Nguyễn Thị **NG** và anh Thiều Văn **H** đã có hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của nguyên đơn bà Thiều Thị **L** tại thửa đất số 1758 tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Thôn **KS**, xã **DT**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa

Như vậy, việc bà **NG**, anh **H** có hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của bà **L** đối với diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 652729 vào ngày 11/06/2021 là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của người sử dụng đất nên cần buộc bà **NG**, anh **H** phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của bà Thiều Thị **L** là phù hợp.

[2]. Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chi phí tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu chi phí tố tụng, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng các chi phí nên cần buộc các bị đơn phải nộp số tiền trên để hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Các bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, 228, Điều 273 của BLTTDS; khoản 10 Điều 12, khoản 7 Điều 166 của LDD; Điều 169 của BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Thiều Thị **L**.

Buộc bà Nguyễn Thị **NG**, anh Thiều Văn **H** phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của bà Thiều Thị **L** đối với 36m² nông nghiệp đi chung và 201,9m² đất ở tại thửa đất số 1758 tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 652729 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp cho bà Thiều Thị **L** ngày 11/06/2021.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị **NG**, anh Thiều Văn **H** mỗi người phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị **NG** và anh Thiều Văn **H** phải chịu trách nhiệm liên đới (*theo phần bằng nhau*) nộp 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định để hoàn trả lại cho bà Thiều Thị **L**.

4. Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt

được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Bùi Đăng Thành

Phạm Đức Hoàn

Nguyễn Thanh Tân

